

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC HẠN VỪA**  
**(Từ ngày 16 đến 30/6/2026)**

**1.1. Lưu vực sông Hồng**

<p><i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i></p>
<p>+ Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 70-120mm; riêng Lai Châu, Điện Biên có nơi trên 200mm.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Trên sông Thao: Từ ngày 9-10/6 trên sông Thao tại trạm Yên Bái đã xảy ra một trận lũ với biên độ lũ lên đạt 2,70m và ở mức dưới báo động(BĐ)1. Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái tăng so với giai đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 69%.</p> <p>+ Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô tăng so với giai đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ 76%.</p> <p>+ Sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên và có xu thế tăng so với kì trước; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình tương đương so với TBNN cùng kỳ.</p> <p>+ Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo điều tiết của hồ chứa thượng lưu và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ 10%.</p>
<p><i>b. Dự báo, cảnh báo</i></p>
<p>+ Tổng lượng mưa: phổ biến 70-120mm, vùng núi có nơi cao hơn 150mm.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Trên sông Thao: Mực nước sông Thao nửa cuối tháng 6 dự báo có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 64%.</p> <p>+ Trên sông Lô: lưu lượng dòng chảy trên sông Lô tại Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ 48%.</p> <p>+ Sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với</p>

15 ngày qua và chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 12%.

+ Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ dao động theo điều tiết của hồ chứa thượng lưu và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ 14%.

## 1.2. Lưu vực sông Thái Bình

### a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 60-120mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: lưu lượng dòng chảy có xu thế giảm so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy ở mức thấp hơn 43% so với TBNN cùng kỳ.

+ Trên sông Lục Nam, lưu lượng dòng chảy tại trạm Chũ giảm so với kỳ trước và tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 79%.

### b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 70-120mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu lưu lượng dòng chảy có khả năng tăng so với kì trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy có khả năng ở mức cao hơn TBNN cùng kì 58%.

+ Trên sông Lục Nam, dòng chảy có khả năng tăng so với kì trước, tổng lượng dòng chảy tại Chũ cao hơn TBNN cùng kỳ 42%.

## 1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

### a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Khu vực phổ biến 20-45mm, riêng Thanh Hóa có nơi trên 100mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa đầu tháng 6/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa ít biến đổi, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh giảm so với nửa cuối tháng 5. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 16%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 40%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 55%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 94%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Nửa đầu tháng 06, dòng chảy trên các sông ít thay đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 240%.

*b. Dự báo, cảnh báo*

- Tổng lượng mưa: phổ biến 30-60mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa cuối tháng 6/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với nửa đầu tháng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 28%; sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn TBNN khoảng 51%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 59%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 88%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Nửa cuối tháng 06, dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật ở mức cao hơn TBNN 161%.

#### **1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ**

*a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua*

- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến 20-40mm, phía Nam phổ biến 40-80mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa đầu tháng 06, dòng chảy trên các sông ít thay đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 23%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang ở mức xấp xỉ TBNN.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong nửa đầu tháng 6, lưu lượng dòng chảy trên các sông phổ biến biến đổi chậm theo xu thế giảm dần và có xuất hiện dao động nhỏ. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 17%, sông Ba (Đăk Lăk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 69%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đòng Trăng xấp xỉ TBNN, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 29%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 78% so với TBNN.

*b. Dự báo, cảnh báo*

- Tổng lượng mưa: Phía Bắc 30-60mm, phía Nam phổ biến 50-90mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa cuối tháng 6, dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 20%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang thấp hơn 18%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong thời kỳ cuối tháng 6, mực nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm và có khả năng xuất hiện dao động

nhỏ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức thấp hơn 76% so với TBNN, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức thấp hơn 17% so với TBNN cùng kỳ.

### 1.5. Lưu vực sông Mê Công

#### a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-100mm, có nơi cao hơn 150mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa đầu tháng 6, lưu lượng dòng chảy trên sông Đăkbla (Quảng Ngãi) và sông Krông Ana (Đăk Lăk) biến đổi ở mức tương đương và cao hơn so với nửa cuối tháng 5. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 79%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 30%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế tăng dần.

#### b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 80-150mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa cuối tháng 6, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi ở mức tương đương so với nửa đầu tháng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 78%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn TBNN 32%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế tăng dần. Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu thấp hơn TBNN 18% và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức thấp hơn TBNN 45%.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 1/7/2026**

**Tin phát lúc: 15h00**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Phùng Tiên Dũng**

## Phụ lục

### Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

*Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 16 đến ngày 30/6/2026*

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	229	>3	<b>100-200</b>	>10-25
	Sơn La	116	>2	<b>60-110</b>	>10-25
	Hòa Bình	207	>47	<b>60-120</b>	>5-15
	Lào Cai	42	<61	<b>50-100</b>	>5-15
	Yên Bái	104	>12	<b>60-120</b>	>10-20
	Tuyên Quang	87	<21	<b>60-120</b>	>10-20
	Hà Giang	172	<8	<b>100-200</b>	>5-15
	Láng	86	<30	<b>60-120</b>	>5-15
	Thái Bình	37	<50	<b>40-80</b>	>5-15
	Nam Định	38	<59	<b>40-80</b>	>5-15
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	60	<43	<b>70-130</b>	>10-25
	Thái Nguyên	50	<61	<b>80-150</b>	>10-25
	Bắc Ninh	65	<39	<b>60-120</b>	>10-20
	Lạng Sơn	61	<32	<b>40-90</b>	>10-25
	Bắc Giang	28	<72	<b>70-130</b>	>10-25
	Hải Dương	104	<2	<b>60-120</b>	>10-20
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hội Xuân	128	<8	<b>50-100</b>	<5-15
	Bái Thượng	75	<42	<b>40-80</b>	<10-20
	Thanh Hóa	16	<81	<b>30-70</b>	<10-20
	Quỳ Châu	22	<81	<b>30-70</b>	<10-20
	Cửa Rào	31	<59	<b>30-70</b>	<10-20
	Đô Lương	13	<77	<b>30-70</b>	<10-20
	Vinh	6	<87	<b>20-50</b>	<10-20
	Hương Sơn	25	<51	<b>20-50</b>	<10-20
	Hương Khê	47	<23	<b>30-60</b>	<10-20
	Hà Tĩnh	16	<76	<b>30-60</b>	<10-20
	Đồng Hới	4	<84	<b>20-40</b>	<10-20
	Quảng Trị	2	<95	<b>20-40</b>	<10-20
	Nam Đông	44	<50	<b>40-80</b>	<10-20
Huế	23	<47	<b>20-40</b>	<10-20	
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	21	<38	<b>20-40</b>	<10-20
	Trà My	27	<71	<b>50-100</b>	<10-20
	Ba Tơ	75	<9	<b>30-70</b>	<10-20
	Quảng Ngãi	6	<85	<b>20-50</b>	<10-20
	Quy Nhơn	18	<53	<b>15-30</b>	<10-20
An Khê	44	<19	<b>30-60</b>	<10-20	

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
	Tuy Hòa	32	<24	<b>10-20</b>	<10-20
	Nha Trang	36	>34	<b>15-30</b>	<5-15
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	86	<21	<b>70-130</b>	<5-15
	Lắk	22	<82	<b>80-150</b>	<5-15
	Buôn Mê Thuột	70	<29	<b>70-130</b>	<5-15
	Biên Hòa	118	<1	<b>70-130</b>	<5-15
	Cần Thơ	47	<52	<b>50-100</b>	<5-15

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 16 đến ngày 30/6/2026

Đơn vị:  $10^6 m^3$

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Thao	Yên Bái	W	215	<69	298	<64
Lô	Tuyên Quang	W	312	<76	332	<48
Đà	Hồ Hòa Bình	W	2225	TBNN	2333	<12
Hồng	Hà Nội	W	2633	<10	2851	<14
Cầu	Gia Bảy	W	57.0	<43	143	>58
Lục Nam	Chũ	W	12.0	<79	84.2	>42
Mã	Cắm Thủy	W	356	<16	302	<28
Cả	Yên Thượng	W	267	<40	227	<51
La	Hòa Duyệt	W	34.0	<55	25.0	<59
Tả Trạch	Thượng Nhật	W	33.7	>240	25.9	>161
Thu Bồn	Nông Sơn	W	114	<23	106	<20
Trà Khúc	Sơn Giang	W	102	~ TBNN	86.0	<18
Ba	Củng Sơn	W	44.0	<69	26.0	<76
Cái NT	Đông Trăng	W	42.0	~ TBNN	32.4	<17
ĐăkBlá	KonTum	W	13.1	<79	14.9	<78
Srêpôk	Giang Sơn	W	39.0	<30	40.8	<32
Tiền	Tân Châu	W			9331	<18
Hậu	Châu Đốc	W			1024	<45